TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày 02-02-2021
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đàm Công Du;

2. Ông Vũ Văn Thôn.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 329/2020/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc: "Không công nhận vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đỗ Thị H, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn Đ, trú tại: Thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 11 năm 2020 và bản tự khai, nguyên đơn chị Đỗ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Đ xây dựng hạnh phúc với nhau do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn từ năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã T,

huyện A, thành phố Hải Phòng. Do thời gian đã lâu chị bị thất lạc mất giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại Thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Những năm đầu chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận và có 02 con chung. Quá trình chung sống đến năm 2015 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm anh Đ chơi bời, rượu chè, không tu chí làm ăn, sống không có trách nhiệm với vợ con, anh Đ nhiều lần chửi bới, đánh chị. Vợ chồng mâu thuẫn đã được gia đình khuyên can, hòa giải nhưng anh Đ không thay đổi cách sống, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị đưa 02 con về nhà bố mẹ đẻ ở xã Q, huyện A ở từ năm 2015 và sống ly thân với anh Đ từ đó đến nay. Hai bên không quan tâm, liên lạc với nhau vì tình cảm vợ chồng không còn. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Chị H trình bày chị và anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Quang H, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2003 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2013. Chị đề nghị được nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H trình bày chị và anh Đ không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của bị đơn anh Nguyễn Văn Đ thể hiện: Anh thống nhất với lời khai của chị H về thời gian và điều kiện kết hôn. Anh Đ xác nhận mất giấy chứng nhận kết hôn giữa anh và chị H. Anh và chị H chung sống với nhau tại Thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng và có 02 con chung. Quá trình chung sống anh chị nhiều lần xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cách sống không phù hợp nhau, nhiều lần cãi nhau, xúc phạm nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Chị H đưa 02 con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn C, xã Q từ năm 2015 và sống ly thân với anh từ đó đến nay, tình cảm vợ chồng không còn. Chị H xin ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung, họ, tên các con như chị H trình bày. Ly hôn chị H nhận nuôi 02 con và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, anh nhất trí.

Về tài sản chung: Anh và chị H không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Đỗ Thị H và bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật

Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn Đ; về con chung: Chị H và anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Quang Huy, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2003 và Nguyễn Văn Hiển, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2013. Chị H đề nghị được nuôi 02 con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, anh Đ nhất trí, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; về tài sản chung: Chị H và anh Đ không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Đỗ Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án không công nhận quan hệ vợ chồng, bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ cư trú tại: Thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Đỗ Thị H và bị đơn anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn Đ.

Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003 tại Thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cách sống không phù hợp nhau, vợ chồng nhiều lần xảy ra xô xát, sống không tôn trọng nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị H đưa 02 con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng ở từ năm 2015 và sống ly thân với anh Đ từ đó đến nay. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, tại sổ đăng ký kết hôn gốc lưu giữ từ năm 2003 đến hết năm 2015 không thể hiện có tên anh Nguyễn Văn Đ và chị Đỗ Thị H. Căn cứ vào các tài liệu xác minh và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử xác định chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 nhưng không

đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn Đ.

[4] Về con chung: Chị H và anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Quang H, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2003 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2013. Chị H nhận nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi các con. Xét thấy hiện nay chị H có công việc, có thu nhập và có nơi ở ổn định đảm bảo nuôi 02 con, hai cháu Nguyễn Quang H và Nguyễn Văn H đều có đơn đề nghị được ở với mẹ, anh Đ nhất trí giao các con cho chị H nuôi nên Hội đồng xét xử giao cho chị Đỗ Thị H nuôi dưỡng 02 con là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Chị H và anh Đ khai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Quang H, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2003 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2013 cho chị Đỗ Thị H nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Nguyễn Văn Đ.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đỗ Thị H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011628 ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão. Chị Đỗ Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhạn